

# Báo cáo thị trường tiền tệ

## NHNN giảm mức bơm ròng trong bối cảnh DXY tăng mạnh

### NHNN tiếp tục bơm ròng

Trong tuần 47 (từ ngày 18 đến 22 tháng 11), NHNN tiếp tục bơm thanh khoản vào hệ thống ngân hàng tuần thứ tư liên tiếp, mặc dù ở mức tương đối khiêm tốn. Cụ thể, NHNN đã phát hành 3.60 nghìn tỷ đồng tín phiếu trong tuần, trong khi có 41.25 nghìn tỷ đồng tín phiếu đáo hạn, dẫn đến mức bơm ròng 37.65 nghìn tỷ đồng qua công cụ tín phiếu. Bên cạnh đó, NHNN phát hành 68.00 nghìn tỷ đồng hợp đồng mua kỳ hạn, trong khi gần 100.00 nghìn tỷ đồng hợp đồng đáo hạn, dẫn đến mức rút ròng 32.00 nghìn tỷ đồng qua công cụ này. Tổng cộng, NHNN đã bơm ròng 5.65 nghìn tỷ đồng vào hệ thống ngân hàng trong tuần.

### Lãi suất liên ngân hàng giảm ở đa số kỳ hạn

Trong tuần, lãi suất liên ngân hàng giảm đáng kể ở các kỳ hạn ngắn, trong khi các kỳ hạn dài hơn không thay đổi so với tuần trước. Cụ thể, lãi suất qua đêm, 1 tuần, 2 tuần, 1 tháng và 3 tháng lần lượt giảm 81đcb, 67đcb, 57đcb, 57đcb và 10đcb, xuống còn 4.37%, 4.40%, 4.43%, 4.43% và 4.50%. Khối lượng giao dịch bình quân hàng ngày tăng 2.5% so với tuần trước, đạt mức 379.74 nghìn tỷ đồng.

### USDVND mở rộng đà tăng

Trong tuần, USDVND tiếp tục đà tăng trưởng, tuy nhiên với mức tăng thấp hơn so với tuần trước. Tỷ giá USDVND liên ngân hàng tăng 0.13%, tương đương 33 điểm phần trăm, đạt mức 25,422 vào cuối tuần. Trên thị trường toàn cầu, chỉ số DXY tăng mạnh 0.81%, lên mức 107.6 vào thứ Sáu, đánh dấu tuần tăng thứ tám liên tiếp do số liệu về đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu giảm mạnh và kỳ vọng về sự tăng trưởng kinh tế Mỹ dưới thời đại của Trump sau các chính sách về nhập cư, thuế quan và thương mại. Trong nước, nhà đầu tư nước ngoài đã tiếp tục bán ròng trên sàn HOSE, đạt tổng giá trị 5.20 nghìn tỷ đồng, tương đương 7.3% tổng giá trị giao dịch trong tuần.

### Chỉ số kinh tế Việt Nam

	T5/24	T6/24	T7/24	T8/24	T9/24	T10/24	Corr. <sup>1</sup>
FDI %n/n	9.4	9.4	9.5	5.3	13.2	7.6	-0.17
Tổng mức bán lẻ %n/n	8.9	8.9	8.6	8.4	7.6	7.1	-0.23
Xuất khẩu %n/n	14.6	13.1	20.2	14.5	11.0	10.3	-0.16
Nhập khẩu %n/n	25.7	14.7	25.0	12.4	11.5	13.8	-0.07
Cán cân thương mại (Tỷ USD)	-0.5	3.2	2.4	4.5	2.3	2.0	-0.10
Chỉ số giá tiêu dùng %t/t	0.05	0.17	0.48	0.00	0.29	0.33	-0.08
Tín dụng %n/n	14.0	15.3	15.3	15.7	14.6	14.1	-0.23
USDVND %t/t	0.45	0.02	-0.81	-1.48	-1.24	2.91	-0.39
PMI(Điểm)	50.3	54.7	54.7	52.4	47.3	51.2	-0.25
VNINDEX %t/t	4.8	-1.2	0.7	2.6	0.8	-2.2	1.00

Nguồn: SBV, GSO, Bloomberg, KIS

<sup>1</sup> Tương quan với tỷ suất sinh lãi hàng tháng của VNINDEX;

Xanh = tăng tốc; Vàng = giảm tốc; Đỏ = giảm

### Nội dung

I. NHNN tiếp tục bơm ròng .....	1
II. Lãi suất liên ngân hàng giảm ở đa số kỳ hạn .....	3
III. Lợi suất trái phiếu Chính phủ tăng nhẹ .....	4
IV. USDVND mở rộng đà tăng .....	6
Thống kê vĩ mô .....	8
Phụ lục .....	9

**Research Dept.**

researchdept@kisvn.vn

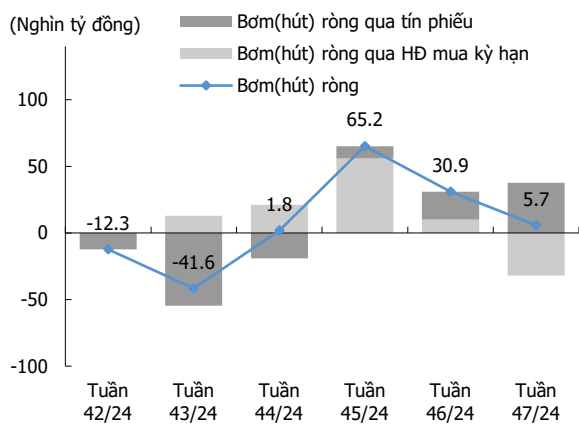
# I. NHNN tiếp tục bơm ròng

## NHNN bơm thanh khoản trong 4 tuần liên tiếp

Trong tuần 47 (từ ngày 18 đến 22 tháng 11), NHNN tiếp tục bơm thanh khoản vào hệ thống ngân hàng tuần thứ tư liên tiếp, mặc dù ở mức tương đối khiêm tốn. Cụ thể, NHNN đã phát hành 3.60 nghìn tỷ đồng tín phiếu trong tuần, trong khi có 41.25 nghìn tỷ đồng tín phiếu đáo hạn, dẫn đến mức bơm ròng 37.65 nghìn tỷ đồng qua công cụ tín phiếu. Bên cạnh đó, NHNN phát hành 68.00 nghìn tỷ đồng hợp đồng mua kỳ hạn, trong khi gần 100.00 nghìn tỷ đồng hợp đồng đáo hạn, dẫn đến mức rút ròng 32.00 nghìn tỷ đồng qua công cụ này. Tổng cộng, NHNN đã bơm ròng 5.65 nghìn tỷ đồng vào hệ thống ngân hàng trong tuần.

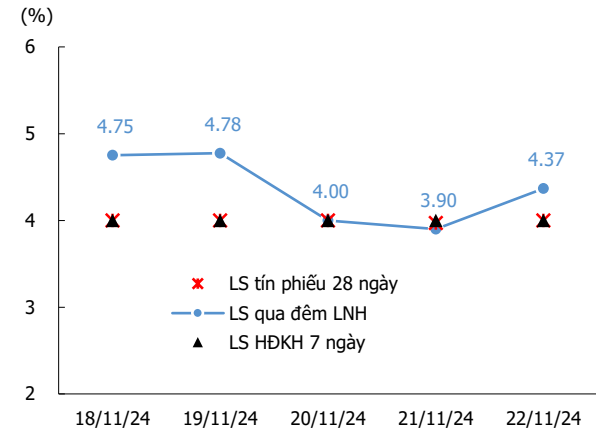
Việc tiếp tục hỗ trợ từ NHNN đã giúp giảm bớt áp lực thanh khoản phát sinh từ các hợp đồng mua kỳ hạn đáo hạn trong các tuần trước. Nhờ đó, thanh khoản liên ngân hàng dần ổn định trong tuần, đảm bảo khả năng hỗ trợ tăng trưởng kinh tế trong giai đoạn cuối năm. Tuy nhiên, áp lực tỷ giá gia tăng vẫn là thách thức lớn, có thể đặt ra nhiều khó khăn cho NHNN trong việc điều hành chính sách kinh tế trong các tuần tới.

**Hình 1. Bơm (rút) thanh khoản ròng**



Nguồn: NHNN, KIS

**Hình 2. Hành lang lãi suất**



Nguồn: NHNN, KIS

**Hình 3. Thông tin chi tiết về phát hành HĐ mua kỳ hạn**

Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Kỳ hạn (ngày)	Giá trị (nghìn tỷ)	Lãi suất (%)
18/11/24	16/12/24	28	0.40	4.00
19/11/24	17/12/24	28	0.20	4.00
20/11/24	18/12/24	28	0.80	4.00
21/11/24	19/12/24	28	1.70	3.97
22/11/24	20/12/24	28	0.50	4.00
<b>Tổng</b>		<b>28</b>	<b>3.60</b>	<b>3.99</b>

Nguồn: NHNN, KIS

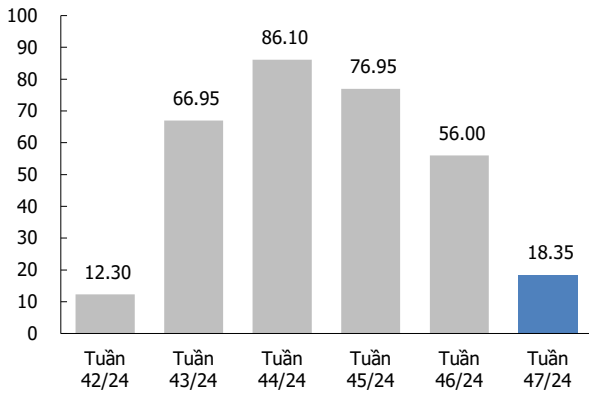
**Hình 4. Thông tin về phát hành tín phiếu kỳ hạn 28 ngày**

Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Kỳ hạn (ngày)	Giá trị (nghìn tỷ)	Lãi suất (%)
18/11/24	25/11/24	7	15.00	4.00
19/11/24	26/11/24	7	15.00	4.00
20/11/24	27/11/24	7	8.00	4.00
21/11/24	28/11/24	7	5.00	4.00
22/11/24	29/11/24	7	25.00	4.00
<b>Tổng</b>		<b>7</b>	<b>68.00</b>	<b>4.00</b>

Nguồn: NHNN, KIS

**Hình 5. Tín phiếu đang lưu hành**

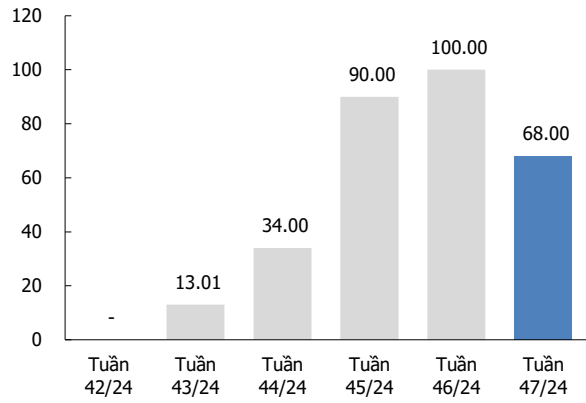
(Nghìn tỷ đồng)



Nguồn: NHNN, KIS

**Hình 6. Hợp đồng mua kỳ hạn đang lưu hành**

(Nghìn tỷ đồng)



Nguồn: NHNN, KIS

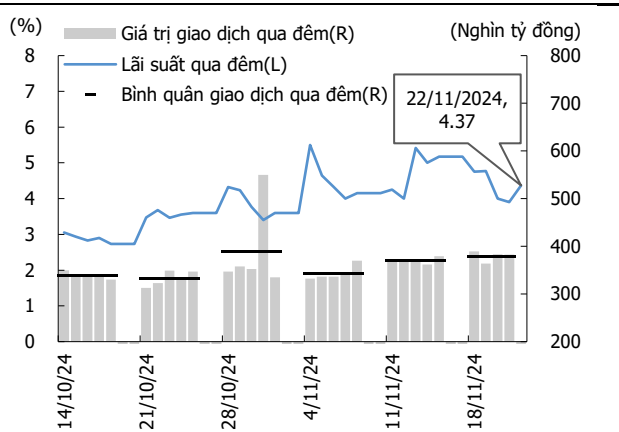
## II. Lãi suất liên ngân hàng giảm ở đa số kỳ hạn

### Đường cong lãi suất liên ngân hàng đã giảm mạnh ở các kỳ hạn ngắn

Trong tuần, lãi suất liên ngân hàng giảm đáng kể ở các kỳ hạn ngắn, trong khi các kỳ hạn dài hơn không thay đổi so với tuần trước. Cụ thể, lãi suất qua đêm (ON), 1 tuần (1W), 2 tuần (2W), 1 tháng (1M) và 3 tháng (3M) lần lượt giảm 81đcb, 67đcb, 57đcb, 57đcb và 10đcb, xuống còn 4.37%, 4.40%, 4.43%, 4.43% và 4.50%. Khối lượng giao dịch bình quân hàng ngày tăng 2.5% so với tuần trước, đạt mức 379.74 nghìn tỷ đồng.

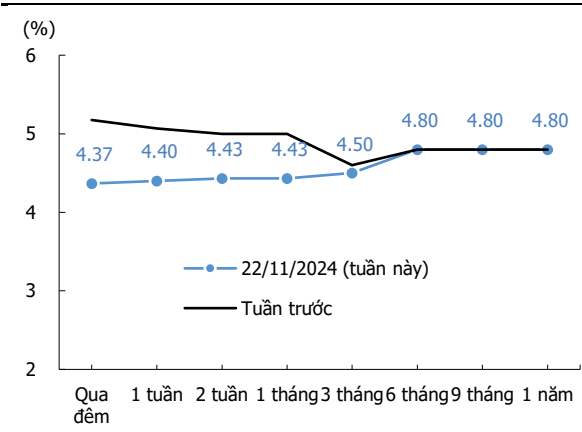
Việc lãi suất liên ngân hàng giảm trong tuần này phản ánh áp lực thanh khoản trong hệ thống ngân hàng đã giảm bớt. Tuy nhiên, sự tăng giá nhanh chóng của USD dự kiến sẽ tạo áp lực lớn lên tỷ giá và thách thức khả năng quản lý thanh khoản của NHNN. Dù vậy, dòng kiều hối cuối năm được kỳ vọng sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc ổn định tỷ giá, mang lại cơ hội cho NHNN áp dụng cách tiếp cận điều hành thận trọng hơn. Sự ổn định này có thể hỗ trợ thanh khoản trong hệ thống ngân hàng, giúp các ngân hàng duy trì hoạt động và đóng góp vào tăng trưởng kinh tế rộng hơn.

Hình 7. Giao dịch liên ngân hàng



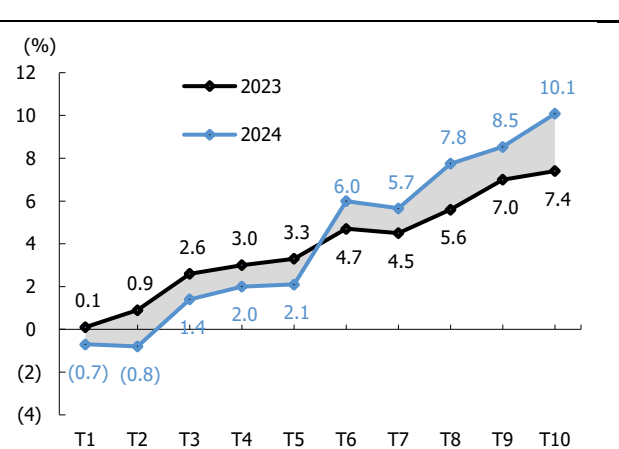
Nguồn: NHNN, Bloomberg, KISVN

Hình 8. Đường cong lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: NHNN, Bloomberg, KISVN

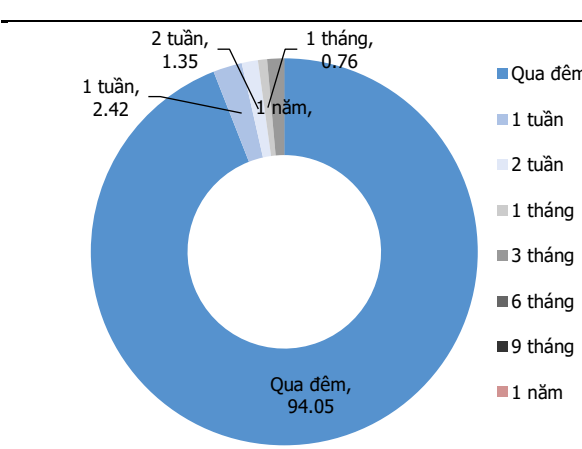
Hình 9. Tăng trưởng tín dụng theo tháng



Nguồn: NHNN, Bloomberg, KISVN

Ghi chú: Cập nhật đến ngày 30 tháng 10 năm 2024

Hình 10. Thống kê giao dịch liên ngân hàng theo phân khúc



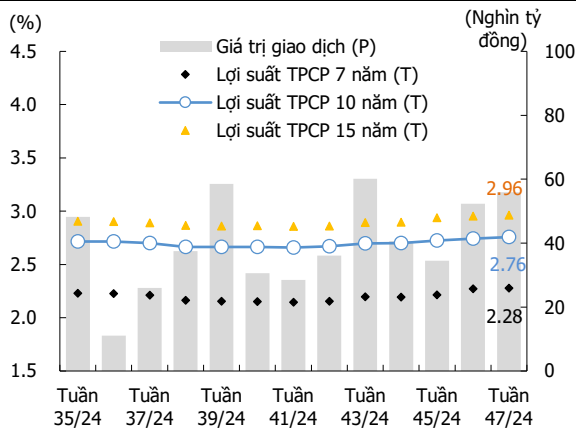
Nguồn: NHNN, Bloomberg, KISVN

### III. Lợi suất trái phiếu Chính phủ tăng nhẹ

#### Lợi suất trái phiếu Chính phủ và giá trị giao dịch phản ánh sự phục hồi tâm lý thị trường

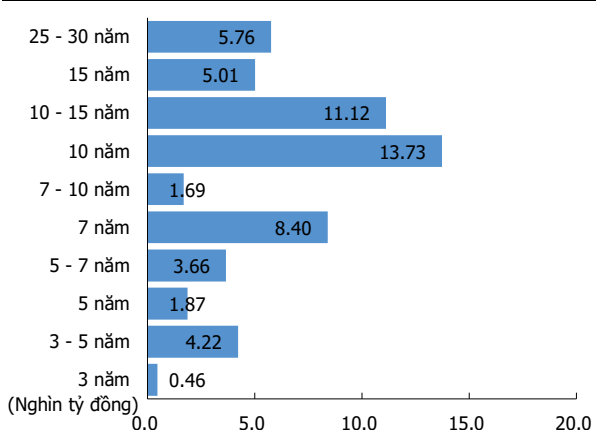
Trong tuần, lợi suất và giá trị giao dịch của trái phiếu Chính phủ (TPCP) đều tăng nhẹ so với tuần trước. Cụ thể, lợi suất trái phiếu kỳ hạn 4 năm, 7 năm, 10 năm và 15 năm đều tăng 1đcb, lần lượt đạt mức 1.92%, 2.28%, 2.76% và 2.96%. Tổng giá trị giao dịch đạt 55.91 nghìn tỷ đồng, với giá trị giao dịch trung bình mỗi ngày là 11.18 nghìn tỷ đồng, tăng 6.79% so với tuần trước. Nhìn chung, nhu cầu tiếp tục cải thiện trong khi lợi suất tăng nhẹ, phản ánh sự phục hồi niềm tin của nhà đầu tư sau những diễn biến trong tuần.

Hình 11: Giá trị giao dịch TPCP theo tuần



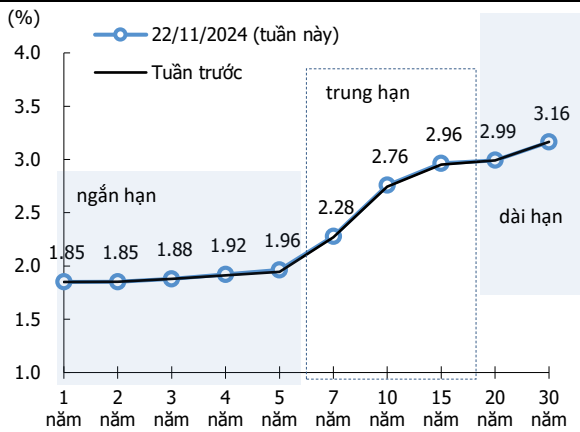
Nguồn: HNX, Bloomberg, KIS

Hình 12: Giá trị giao dịch TPCP theo kỳ hạn



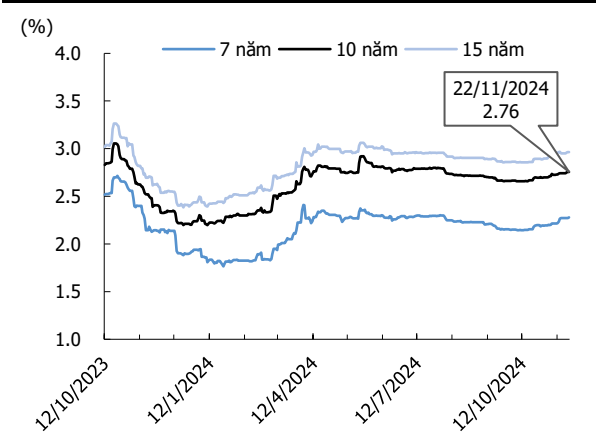
Nguồn: HNX, Bloomberg, KIS

Hình 13: Đường cong lãi suất TPCP



Nguồn: HNX, VBMA, KIS

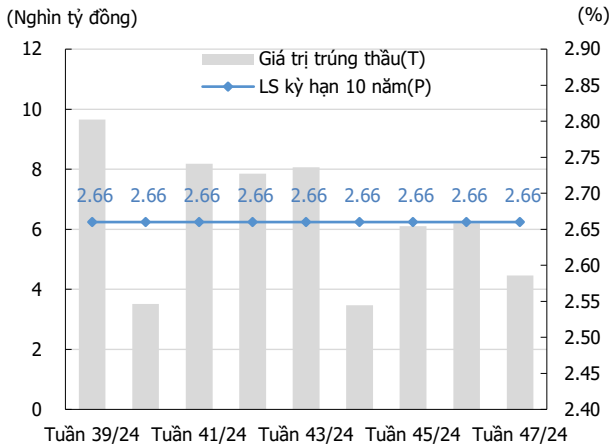
Hình 14: Lãi suất TPCP giao dịch hàng ngày



Nguồn: HNX, VBMA, KIS

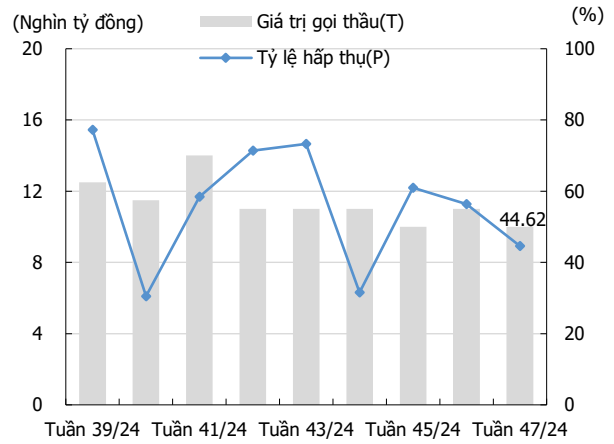
Trên thị trường sơ cấp, trong tuần cho thấy nhu cầu giảm đáng kể so với tuần trước, với lãi suất trúng thầu không đổi và giá trị trúng thầu giảm mạnh. Cụ thể, KBNN đã phát hành thành công 4.46 nghìn tỷ đồng trong tuần với lãi suất trúng thầu không đổi. Cho đến nay, KBNN đã phát hành tổng cộng 319.51 nghìn tỷ đồng, đạt 79.88% mục tiêu trong năm. Tiến độ năm nay cũng tăng nhanh hơn so với năm trước, khi tốc độ hoàn thành nhanh hơn 4.93% so với cùng kỳ năm 2023.

**Hình 15: Giá trị trúng thầu hàng tuần**



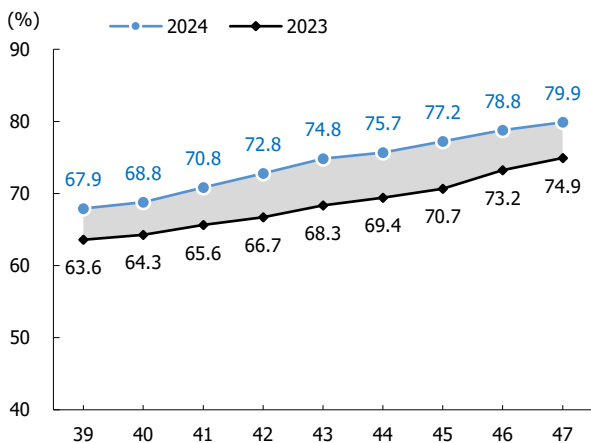
Nguồn: HNX, KIS

**Hình 16: Hệ số hấp thụ hàng tuần**



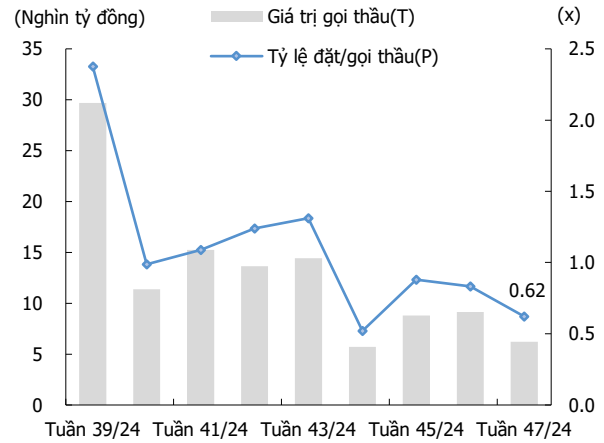
Nguồn: HNX, KIS

**Hình 17: Tỷ lệ hoàn thành theo tuần trong năm 2024**



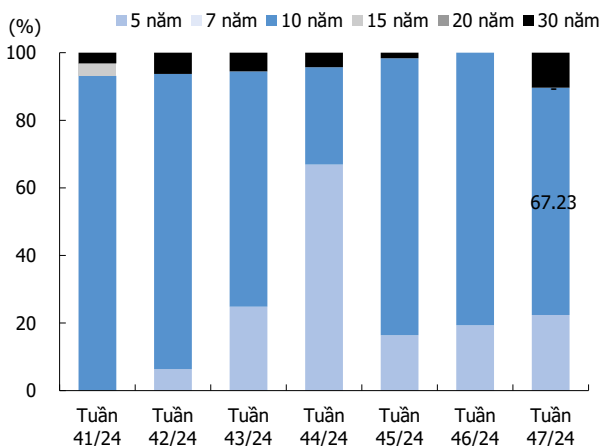
Nguồn: HNX, KIS

**Hình 18: Tỷ lệ trúng thầu hàng tuần**



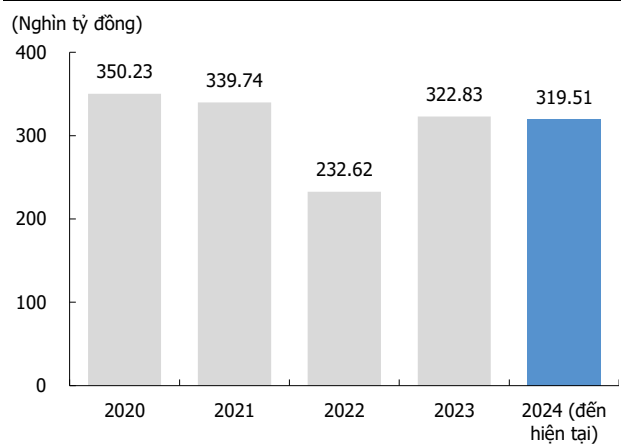
Nguồn: HNX, KIS

**Hình 19: Cơ cấu TPCP trúng thầu hàng tuần**



Nguồn: HNX, KIS

**Hình 20: Lượng TPCP phát hành hàng năm**



Nguồn: HNX, KIS

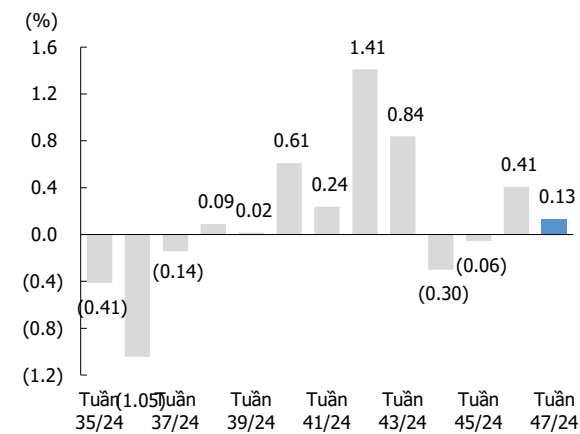
## IV. USDVND mở rộng đà tăng

### **DXY đánh dấu tuần tăng thứ 8 liên tiếp**

Trong tuần, USDVND tiếp tục đà tăng trưởng, tuy nhiên với mức tăng thấp hơn so với tuần trước. Tỷ giá USDVND trên thị trường liên ngân hàng tăng 0.13%, tương đương 33 điểm phần trăm, đạt mức 25,422 vào cuối tuần. Trên thị trường toàn cầu, chỉ số DXY tăng mạnh 0.81%, lên mức 107.6 vào thứ Sáu, đánh dấu tuần tăng thứ tám liên tiếp do số liệu về đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu giảm mạnh và kỳ vọng về sự tăng trưởng kinh tế Mỹ dưới thời đại của Trump sau các chính sách về nhập cư, thuế quan và thương mại. Trong nước, nhà đầu tư nước ngoài đã tiếp tục bán ròng trên sàn HOSE, đạt tổng giá trị 5.20 nghìn tỷ đồng, tương đương 7.3% tổng giá trị giao dịch trong tuần. Tính đến nay, khối ngoại đã bán ròng tuần thứ bảy liên tiếp, điều này cho thấy sự quan ngại của các nhà đầu tư trước diễn biến của tỷ giá hối đoái và các sự kiện trên thị trường.

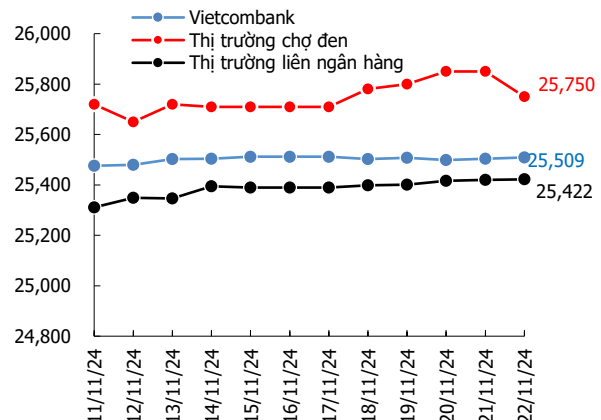
Trên thị trường ngoại hối, giá chào bán tại Vietcombank giảm nhẹ 0.01% hay 3 điểm phần trăm, trong khi giá chào bán trên thị trường chợ đen tăng 0.16% hay 41 điểm phần trăm so với tuần trước. Vào thứ Sáu, giá chào bán tại Vietcombank và thị trường chợ đen lần lượt được ghi nhận ở mức 25,509 và 25,750 cho một USD.

**Hình 21: Diễn biến của USDVND theo tuần**



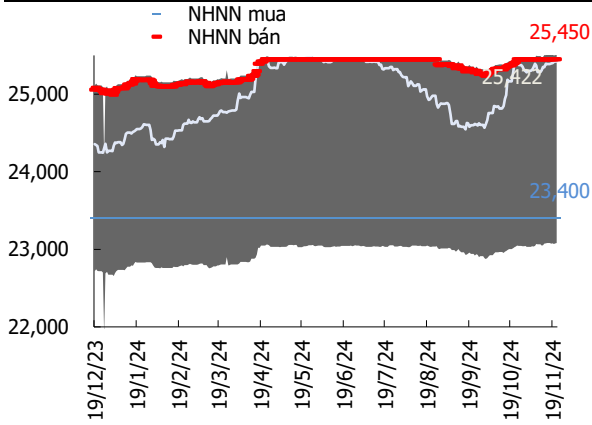
Nguồn: NHNN, Bloomberg

**Hình 22: USDVND: Thống kê theo thị trường hàng ngày**



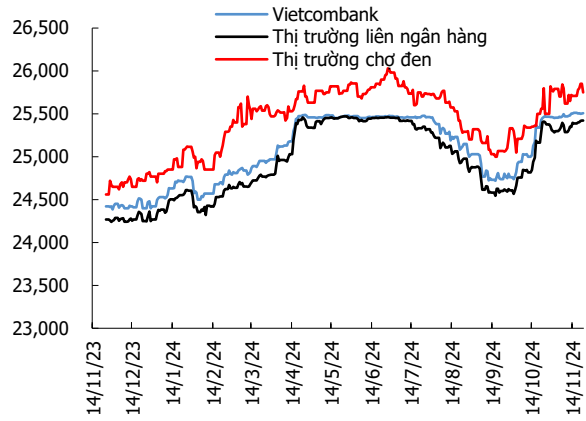
Nguồn: TCTT, KIS

**Hình 23: Diễn biến giao dịch của NHNN**



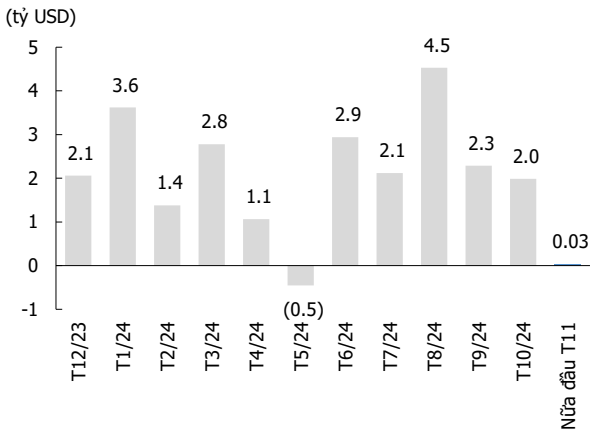
Nguồn: NHNN, Bloomberg, Fiinpro, KIS

**Hình 24: USDVND: Thống kê theo thị trường hàng tháng**



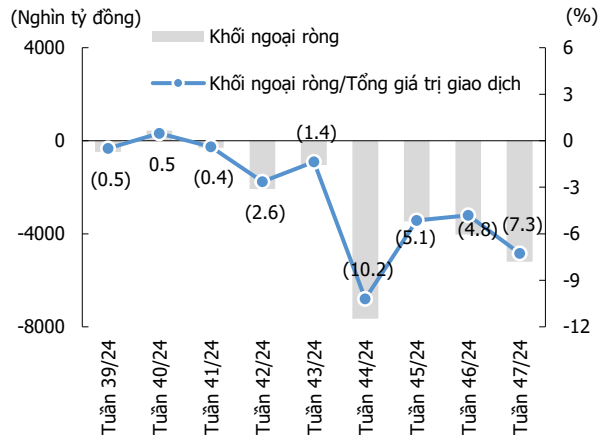
Nguồn: NHNN, Bloomberg, KIS

**Hình 25: Cán cân thương mại của Việt Nam hàng tháng**



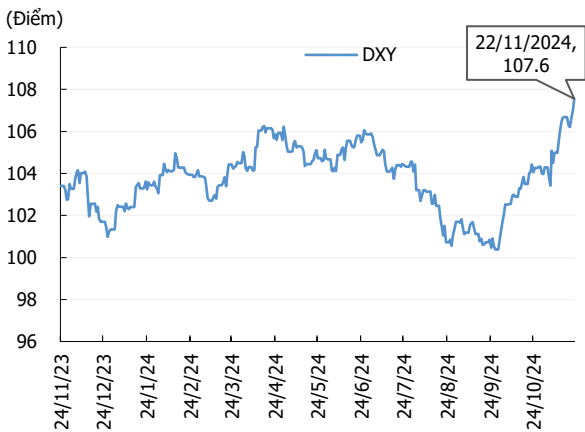
Nguồn: NHNN, Bloomberg  
Ghi chú: Cập nhật đến 6 tháng 11, 2024

**Hình 26: Thống kê giao dịch của khối ngoại hàng tuần**



Nguồn: Fiinpro, KIS

**Hình 27: Thống kê chỉ số DXY hàng tháng**



Nguồn: NHNN, Bloomberg

**Hình 28: Thống kê tuần các cặp tỷ giá nổi bật**

Tỷ giá	Cơ chế	45W24	46W24	47W24	2024YTD
DXY	Chỉ số đồng Đô La Mỹ	0.69	1.61	0.81	6.14
USDCNY	Tỷ giá thả nổi có quản lý	0.77	0.63	0.26	2.08
EURUSD	Tỷ giá thả nổi	-1.07	-1.66	-1.16	-5.63
USDJPY	Tỷ giá thả nổi	-0.24	1.09	0.31	9.74
USDKRW	Tỷ giá thả nổi	1.26	0.18	0.54	9.15
USDSGD	Cơ chế trung gian (BBC)	-0.05	1.24	0.35	2.00
USDTHB	Tỷ giá thả nổi	0.34	2.37	-0.71	1.27
USDVND	Tỷ giá thả nổi có quản lý	-0.06	0.41	0.13	4.76

Nguồn: NHNN, Bloomberg  
Chú thích: Xanh = Giá tăng mạnh; Vàng = Giá tăng nhẹ; Đỏ = Giá giảm.



## Thống kê vĩ mô

	T6/24	T7/24	T8/24	T9/24	T10/24	4Q23	1Q24	2Q24	3Q24	2020	2021	2022	2023
Tăng GDP thực (%)						6.72	5.66	6.93	7.40	2.91	2.58	8.02	5.05
FDI đăng ký (USD bn)	4.13	2.82	2.53	4.26	2.48	16.40	6.18	9.01	9.59	28.53	31.15	27.72	36.61
GDP bình quân (USD)										3,521	3,725	4,110	4,285
Tỷ lệ thất nghiệp (%)						2.28	2.24	2.29	2.24	2.48	3.22	2.32	2.26
Xuất khẩu (tỷ USD)	33.09	35.92	37.59	34.05	35.59	96.53	93.06	92.9	108.6	282.7	335.7	371.85	355.5
Nhập khẩu (tỷ USD)	30.15	33.80	33.06	31.76	33.60	90.17	84.98	85.1	99.7	263	331.1	360.65	327.5
Tăng trưởng XK (%)	10.52	19.11	14.54	10.70	10.09	8.80	16.98	12.46	15.82	7.02	18.74	10.61	-4.4
Tăng trưởng NK (%)	13.12	24.73	12.38	11.06	13.56	8.01	13.88	19.81	17.19	3.81	25.9	8.35	-8.9
Lạm phát (%)	4.34	4.36	3.45	2.63	2.68	3.54	3.77	4.39	3.48	3.24	1.84	3.15	3.25
USD/VND	25,458	25,320	24,860	24,093	25,270	24,260	24,786	25,458	24,093	23,126	22,790	23,650	23,784
Tăng trưởng tín dụng (%)	15.3	15.1	14.9	14.6	16.6	10.82	11.6	13.5	15.3	12.17	12.97	12.87	11.09
TPCP 10 năm (%)	2.81	2.79	2.83	2.66	2.80	2.23	2.59	2.81	2.66	2.01	2.11	5.08	2.39

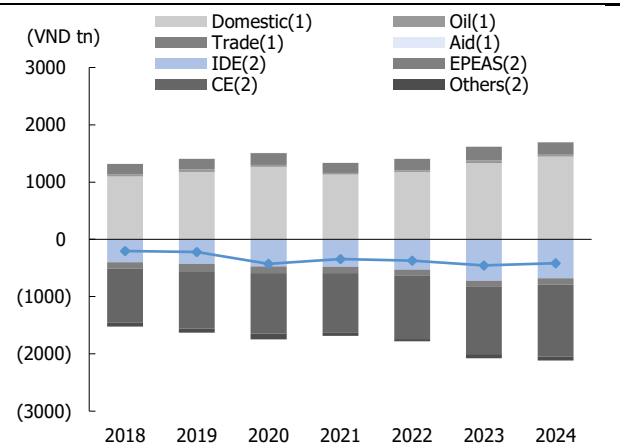
Nguồn: TCTK, Bloomberg, FIA, IMF

### \*\*Khái niệm

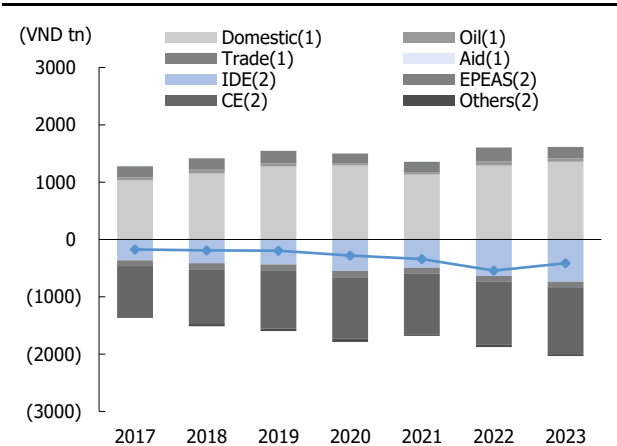
- \* Tỷ giá lãi suất trúng thầu = tỷ giá đặt thầu cao nhất của mỗi nhóm, 2.66%
- \* Hệ số hấp thụ = giá đặt thầu / giá gọi thầu, 44.62%
- \* Tỷ lệ "bid to offer" = giá chào thầu / giá đặt thầu, 0.62%
- \* DXY = Chỉ số giá USD Index, ~107.6
- \* OMO = Nghiệp vụ thị trường mở
- \* Kỳ hạn = Khoảng thời gian đến ngày thanh toán
- \* ON =lãi suất liên ngân hàng qua đêm, ~4.37%

## Phụ lục

**Hình 1: Ngân sách nhà nước Việt Nam hàng năm: dự kiến**



**Hình 2: Ngân sách nhà nước Việt Nam hàng năm: thực tế**



Nguồn: MoF, NHNN, KIS

Domestic= Doanh thu quốc nội; Oil= Doanh thu giao dịch dầu thô; Trade= Cán cân thu nhập từ hoạt động xuất khẩu và nhập khẩu; Aid= Doanh thu từ viện trợ.

IDE=Chi đầu tư phát triển; EPEAS=Chi phí lãi vay và chi trả cho viện trợ; CE= Chi tiêu hiện tại

(1) ghi chú khoản mục thuộc về doanh thu

(2) ghi chú khoản mục thuộc về chi tiêu hoặc được ghi nhận dưới dạng số âm

**Bảng 2: Cán cân thanh toán của Việt Nam ( tỷ USD)**

	2020	2021	2022	2023	1Q24	2Q24
<b>Cán cân vãng lai</b>	15.1	(4.6)	(1.1)	25.1	5.2	4.5
Hàng hóa: Xuất khẩu	282.6	335.9	371.3	354.7	92.9	97.9
Hàng hóa : Nhập khẩu	251.9	318.5	345.6	310.7	81.0	89.3
Hàng hóa ròng	30.7	17.5	25.7	44.0	11.9	8.5
Dịch vụ: Xuất khẩu	7.6	4.2	12.9	19.6	5.7	5.5
Dịch vụ: Nhập khẩu	17.9	19.9	25.5	29.1	8.0	8.3
Thu nhập sơ cấp: Thu	1.4	1.0	2.3	4.6	1.4	1.4
Thu nhập sơ cấp: Chi	16.2	17.7	22.0	27.0	9.0	5.4
Thu nhập thứ cấp: Thu	11.4	13.6	12.2	16.1	4.3	3.8
Thu nhập thứ cấp: Chi	2.0	3.2	6.7	3.1	1.0	1.1
<b>Cán cân tài chính</b>	(8.5)	(30.9)	(9.5)	(2.8)	1.4	(6.3)
Đầu tư trực tiếp ra nước ngoài: Tài sản có	0.4	0.3	2.7	1.6	(0.1)	(0.1)
Đầu tư trực tiếp ra nước ngoài: Tài sản nợ	15.8	15.7	17.9	18.5	3.6	5.0
Đầu tư gián tiếp ra nước ngoài: Tài sản có	(0.0)	(0.0)	(0.0)	0.0	0.0	0.0
Đầu tư gián tiếp vào Việt Nam: Tài sản nợ	(1.3)	0.3	1.5	(1.2)	(0.5)	(1.6)
Đầu tư khác, tài sản có	8.4	0.6	13.7	(14.3)	0.2	(5.2)
Đầu tư khác, tài sản nợ	2.8	15.9	6.4	(7.4)	(1.8)	(4.4)
<b>Lỗi và sai sót</b>	(6.9)	(10.4)	(31.1)	(16.6)	(8.0)	(4.3)
Dự trữ và các hạng mục liên quan	16.6	15.9	(22.7)	(5.6)	1.4	6.1

Nguồn: NHNN, IMF, KIS

## Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu và tài liệu marketing cho chứng khoán Việt Nam này được thực hiện và phát hành bởi phòng phân tích của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiện và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam.

Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.

Bản quyền © 2023 của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam

#### **VIET NAM**

UYEN LAM, Head of Institutional Brokerage (uyen.lh@kisvn.vn +8428 3914 8585 - 1444)  
KIS Vietnam Securities Corporation  
3rd floor, 180-192 Nguyen Cong Tru, Nguyen Thai Binh Ward, District 1, Ho Chi Minh City.  
Fax: 8428 3821-6898

#### **SOUTH KOREA**

YEONG KEUN JOO, Managing Director, Head of International Business Division (ykjoo@truefriend.com, +822 3276 5157)  
PAUL CHUNG, Sales Trading (pchung@truefriend.com +822 3276 5843)  
27-1 Yoido-dong, Youngdeungpo-ku, Seoul 150-745, Korea  
Toll free: US 1 866 258 2552 HK 800 964 464 SG 800 8211 320  
Fax: 822 3276 5681~3  
Telex: K2296

#### **NEW YORK**

DONG KIM, Managing Director (dkim@kisamerica.com +1 212 314 0681)  
HOON SULL, Head of Sales (hoonsull@kisamerica.com +1 212 314 0686)  
Korea Investment & Securities America, Inc.  
1350 Avenue of the Americas, Suite 1110  
New York, NY 10019  
Fax: 1 212 314 0699

#### **HONG KONG**

GREGORY KIM, Managing Director, Head of HK Sales (greg.kim@kisasia.com +852 2530 8915)  
Korea Investment & Securities Asia, Ltd.  
Suite 2220, Jardine House  
1 Connaught Place, Central, Hong Kong  
Fax: 852-2530-1516

#### **SINGAPORE**

ALEX JUN, Managing Director, Head of Singapore Sales (alex@kisasia.com.sg +65 6501 5602)  
CHARLES AN, Sales (alex.jun@kisasia.com.sg +65 6501 5601)  
Korea Investment & Securities Singapore Pte Ltd  
1 Raffles Place, #43-04, One Raffles Place  
Singapore 048616  
Fax: 65 6501 5617

#### **LONDON**

Min Suk Key, Managing Director (peterkey@kiseurope.com +44 207 065 2766)  
Korea Investment & Securities Europe, Ltd.  
2nd Floor, 35-39 Moorgate  
London EC2R 6AR  
Fax: 44-207-236-4811

---

This report has been prepared by KIS Vietnam Securities Corp. and is provided for information purposes only. Under no circumstances is it to be used or considered as an offer to sell, or a solicitation of any offer to buy. While all reasonable care has been taken to ensure that the information contained herein is not untrue or misleading at the time of publication, we make no representation as to its accuracy or completeness and it should not be relied upon as such. This report is provided solely for the information of professional investors who are expected to make their own investment decisions without undue reliance on this report and the company accepts no liability whatsoever for any direct or consequential loss arising from any use of this report or its contents. This report is not intended for the use of private investors.

Copyright © 2020 KIS Vietnam Securities Corp. All rights reserved. No part of this report may be reproduced or distributed in any manner without permission of KIS Vietnam Securities Corp.